TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 8 - 2022
V/v ly hôn giữa chị T và anh T1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng

Bà Phạm Thị Xuyến

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Xóm 21, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Phạm Hữu T1, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Hữu T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 20/02/2020. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, anh T1 thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị, anh T1 không quan tâm gì đến vợ con. Từ tháng 02 năm 2022 chị về nhà bố mẹ đẻ tại Tân Thịnh ở, từ đó vợ chồng sống ly thân không đoàn tụ lại và không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn về đoàn tụ với anh T1, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Phạm Hữu T1.

Về con chung: Giữa chị và anh T1 có một con chung là Phạm Thị Anh Th, sinh ngày 25/12/2021, con đang ở với chị, từ khi vợ chồng sống ly thân anh T1 không thăm nom con và không gửi tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Vì vậy khi ly hôn, chị mong muốn được tiếp tục nuôi con chung. Hiện chị làm công nhân may tại Công ty giầy da Nam Sương có trụ sở tại xã Hồng Quang, huyện N, tỉnh Nam Định, thu nhập trung bình mỗi tháng 05 triệu đồng, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chị yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản lấy lời khai ngày 04/8/2023 bị đơn anh Phạm Hữu T1 trình bày: Anh và chị Phạm Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N tháng 02 năm 2020. Quá trình vợ chồng chung sống luôn bất đồng quan điểm, tính cách không hợp, dẫn đến hay cãi nhau nên hôn nhân không hạnh phúc. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 không đoàn tụ lại. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, chị T làm đơn xin ly hôn anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn.

Về con chung: Giữa anh và chị T có một con chung tên tuổi của con đúng như chị T trình bày. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Nếu Tòa án giải quyết giao con cho chị T nuôi, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị T vắng mặt;

Anh T1 có ý kiến giữ nguyên quan điểm về thời gian kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, nhưng anh không đồng ý ly hôn; nếu phải ly hôn anh xin được nuôi con, hiện anh làm nghề tự do thu nhập mỗi tháng 15 triệu đồng (anh không có tài liệu để chứng minh). Nếu Tòa án giao con cho chị T nuôi, về nghĩa vụ cấp dưỡng anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Hữu T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Phạm Thị Anh Th, sinh ngày 25/12/2021 chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

3. Về án phí DSST: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Anh Phạm Hữu T1 phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Hữu T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 20/02/2020, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, nhưng anh T1 không đồng ý, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T1 không hạnh phúc, sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Hữu T1 của chị Phạm Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Giữa chị T và anh T1 có 01 con chung là Phạm Thị Anh Th, sinh ngày 25/12/2021 đang ở cùng chị T

Khi giải quyết ly hôn xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu phía bên còn lại phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cháu Phạm Thị Anh Th, sinh ngày 25/12/2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Th chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao con chung là cháu Phạm Thị Anh Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.700.000 đồng/tháng cho chị T nuôi con, kể từ tháng xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập được. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn, anh T1 phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Hữu T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thị Anh Th, sinh ngày 25/12/2021 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Hữu T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị T nuôi con 1.700.000 đồng (một triệu, bảy trăm nghìn đồng) 01 tháng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập được. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn , được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0000554, ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

Anh Phạm Hữu T1 phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ánh